

NGUỒN NHÂN LỰC TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN-THƯ VIỆN CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS Đỗ Tiến Vượng

Trường Đại học Giao thông vận tải

Tóm tắt: Khái quát vai trò của thư viện đại học, cán bộ thư viện trong hệ thống TT-TV các trường đại học. Phân tích thực trạng đội ngũ cán bộ TT-TV của các trường đại học kỹ thuật hiện nay ở các khía cạnh: Giới tính, độ tuổi, trình độ nhân lực, chuyên môn đào tạo,... Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ TT-TV, phục vụ hiệu quả công tác đào tạo theo học chế tín chỉ tại các trường đại học kỹ thuật Việt Nam.

Từ khóa: Thông tin-thư viện; nguồn nhân lực thông tin-thư viện; trường đại học kỹ thuật Việt Nam.

Human resources in libraries of some Vietnamese technical universities

Summary: Generalizes the role of academic libraries and librarians; analyses the current status of information-library staff on various aspects: gender, age, qualification, expertise, etc; puts forward some solutions to improving the quality of information-library staff, serving effectively the training according to credit system at Vietnamese technical universities.

Keywords: Information-library human resources; Vietnamese technical universities.

Đặt vấn đề

Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trên phạm vi toàn quốc được ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để thực hiện tốt Quy chế này đòi hỏi phải có sự chuyển biến toàn diện về cách vận hành chương trình đào tạo, mô hình quản lý đào tạo cũng như cơ sở vật chất phục vụ học tập trong các trường đại học và cao đẳng.

Một trong những yếu tố quan trọng về cơ sở vật chất có ảnh hưởng lớn tới chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ chính là hoạt động TT-TV. Các thư viện cần phải nắm bắt các yêu cầu, những đòi hỏi của học chế tín chỉ đối với hoạt động TT-TV, hiểu rõ sự khác biệt của hoạt động TT-TV trong phục vụ đào tạo theo niên chế và phục vụ đào tạo theo học chế tín chỉ. Trên cơ sở kế thừa những ưu điểm trong hoạt động phục vụ nghiên cứu và đào tạo theo niên chế, các cán bộ thư viện phải luôn luôn

trau dồi kiến thức, sáng tạo và áp dụng các biện pháp mới phù hợp với việc phục vụ đào tạo theo học chế tín chỉ. Hiện nay, ở hầu hết các trường đại học kỹ thuật đều đào tạo theo học chế tín chỉ. Học chế tín chỉ đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải đầu tư nhiều công sức hơn cho việc soạn bài giảng, chuẩn bị tài liệu, hướng dẫn thảo luận, tăng cường thời gian nghiên cứu khoa học; sinh viên phải tham gia học tập với thái độ tích cực, chủ động tìm kiếm và tham khảo các tài liệu thích hợp với từng môn học, từng chuyên đề khác nhau để đạt yêu cầu của mỗi tín chỉ. Sinh viên phải tự học, tự nghiên cứu là chính với sự tư vấn của cố vấn học tập và sự định hướng của từng giảng viên các môn học. Trong các trường đại học, thư viện vẫn luôn luôn là môi trường lý tưởng cho việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, phát huy tư duy sáng tạo của họ.

Nhân lực là nguồn lực con người có khả năng hoặc tiềm năng tham gia các hoạt động KT-XH để duy trì, phát triển cá nhân và cộng đồng. Yếu tố nhân lực là quan trọng nhất

Nghiên cứu - Trao đổi

trong hệ thống TT-TV (HTTTTV) vì trình độ nhân lực là thước đo đánh hiệu quả hoạt động của hệ thống. Do vậy, hệ thống cần phải xây dựng một đội ngũ nhân lực nắm bắt nhanh những CNTT mới, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, thuần thục để xử lý thông tin, tạo ra các sản phẩm thông tin, quản trị hệ thống...

Nhân lực trong HTTTTV là cán bộ TT-TV, còn người dùng tin là cán bộ, giảng viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và sinh viên trong hệ thống.

Trong khuôn khổ nội dung bài báo, tác giả nghiên cứu về đội ngũ cán bộ TT-TV trong HTTTTV các trường đại học khối kỹ thuật ở Việt Nam.

1. Vai trò của thư viện đại học và cán bộ thư viện trong HTTTTV các trường đại học

1.1. Vai trò của thư viện

Có thể thấy, thư viện trong các trường đại học đóng một vai trò quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo:

- là động lực đóng góp vào việc đổi mới giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực;
- góp phần đổi mới phương pháp dạy - học, tạo môi trường tự học và tự nghiên cứu, kích thích sự chủ động của người học;
- là nơi cung cấp nguồn thông tin quan trọng trong nhà trường;
- là điểm kết nối giữa nguồn thông tin của xã hội và nhu cầu thông tin của sinh viên;
- là môi trường rèn luyện và phát huy năng lực độc lập trong việc khám phá và tư duy sáng tạo của sinh viên.

1.2. Vai trò của cán bộ thư viện

Theo tác giả K. Nageswara Rao và KH Babu (2001), vai trò của cán bộ thư viện được xác định như sau:

- *Cán bộ thư viện là người trung gian tìm*

kiếm thông tin: Vai trò này luôn luôn tồn tại bởi trong môi trường số việc tìm được thông tin chính xác, nhanh chóng ngày càng trở nên phức tạp và đòi hỏi nhiều thời gian, công sức;

- *Cán bộ thư viện là người hỗ trợ:* Vai trò này thể hiện trong việc nhận diện, tập hợp và tổ chức cơ sở hạ tầng thông tin như truy cập mạng, truy cập phần mềm, giấy phép và mật khẩu để sử dụng các nguồn thông tin phải trả phí, xác định các nhu cầu thông tin của người dùng và xác định các nguồn thông tin đáp ứng nhu cầu của họ.

- *Cán bộ thư viện là người đào tạo người dùng tin:* Đào tạo người dùng tin về tổ chức các nguồn thông tin, chiến lược tìm tin, các công cụ, kỹ năng tìm tin, hiểu biết về nguồn thông tin và thông báo các nguồn thông tin mới và đáp ứng nhu cầu thông tin của người sử dụng.

- *Cán bộ thư viện là người xây dựng website hoặc người xuất bản:* Tham gia tạo lập website để phổ biến thông tin về thư viện và các dịch vụ thư viện.

- *Cán bộ thư viện là người nghiên cứu:* Tham gia ngày càng nhiều vào hoạt động nghiên cứu và trở thành một thành viên then chốt trong nhóm nghiên cứu khoa học trên cơ sở có trình độ chuyên sâu về quy trình nghiên cứu khoa học và hiểu biết về các nguồn thông tin thuộc các lĩnh vực khác nhau.

- *Cán bộ thư viện là người thiết kế giao diện:* Hỗ trợ các chuyên gia công nghệ thông tin trong việc thiết kế các dịch vụ thông tin dựa trên công nghệ.

- *Cán bộ thư viện là người quản lý tri thức:* Tổ chức tri thức thành các hệ thống và cấu trúc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng chúng có hiệu quả.

- *Cán bộ thư viện là người sàng lọc các nguồn thông tin:* Giúp người dùng nhận diện và tiếp cận các nguồn thông tin trong không gian thông tin rộng lớn.

Nghiên cứu - Trao đổi

2. Tìm hiểu thực trạng nguồn nhân lực TT-TV của một số trường đại học kỹ thuật ở Việt Nam trường đại học, chúng tôi khảo sát 16 thư viện các trường đại học khối kỹ thuật trong cả nước năm 2012 (Bảng 1).

Để tìm hiểu thực trạng nguồn nhân lực TT-TV

Bảng 1. Danh sách thư viện các trường đại học khối kỹ thuật ở Việt Nam được khảo sát

TT	Tên thư viện trường đại học khối kỹ thuật	Website của Trường	Website của Thư viện
1.	Thư viện Tạ Quang Bửu	www.hut.edu.vn	http://library.hut.edu.vn
2.	Thư viện ĐH GTVT	www.utc.edu.vn	http://opac.uct.edu.vn/opac/
3.	Thư viện ĐH Xây dựng	www.uce-hn.edu.vn	www.library.nuce.edu.vn
4.	Thư viện ĐH Kiến trúc Hà Nội	www.hau.edu.vn	www.hau.edu.vn
5.	Thư viện Đại học Mỏ địa chất	www.humg.edu.vn	http://tttv.humg.edu.vn
6.	Thư viện ĐH Thủy lợi	www.wru.edu.vn	http://lib.wru.edu.vn/
7.	Thư viện ĐH Công nghiệp Hà Nội	www.haui.edu.vn	www.lib.haui.edu.vn
8.	Thư viện Đại học Điện lực	www.epu.edu.vn	http://www.epu.edu.vn/tthl/
9.	Thư viện Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông	www.ptit.edu.vn	www.ltc.ptit.edu.vn
10.	Thư viện Đại học Hàng hải	www.vimaru.edu.vn	http://lib.vimaru.edu.vn
11.	TT học liệu Đại học Đà Nẵng	www.dut.edu.vn	www.lirc.udn.vn
12.	Thư viện Đại học Nha Trang	www.ntu.edu.vn	http://thuvien.ntu.edu.vn
13.	Thư viện Đại học Công nghiệp Tp.HCM	www.hcmut.edu.vn	http://lib.hui.edu.vn
14.	Thư viện Đại học Bách khoa Tp.HCM	www.hcmut.edu.vn	www.lib.hcmut.edu.vn
15.	Thư viện ĐH Kiến trúc Tp.HCM	www.hcmuarc.edu.vn	www.lib.hcmuarc.edu.vn
16.	Thư viện Đại học Kỹ thuật công nghiệp Tp.HCM	www.hutech.edu.vn	http://lib.huech.edu.vn

Kết quả khảo sát được trình bày dưới đây.

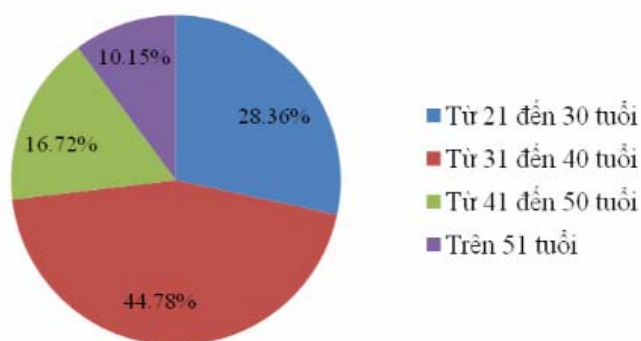
2.1. Về cơ cấu lứa tuổi và giới tính:

Bảng 2. Cơ cấu lứa tuổi và giới tính (đơn vị: người)

Tổng số	Chia theo độ tuổi				Giới tính	
	<i>Từ 21 đến 30 tuổi</i>	<i>Từ 31 đến 40 tuổi</i>	<i>Từ 41 đến 50 tuổi</i>	<i>Trên 51 tuổi</i>	<i>Nam</i>	<i>Nữ</i>
335	95	150	56	34	89	246

Kết quả khảo sát về cơ cấu lứa tuổi cho thấy, cán bộ thư viện đại học kỹ thuật Việt Nam trong độ tuổi dưới 30 (95/335) chiếm tỉ lệ 28,36%; độ tuổi từ 31 đến 40 (150/335) chiếm tỉ lệ 44,78%; độ tuổi 41 đến 50 (56/335) chiếm tỉ lệ 16,7% và độ tuổi trên 51 (34/335) chiếm tỉ lệ 10,1% (Bảng 2, Hình 1)

Nghiên cứu - Trao đổi

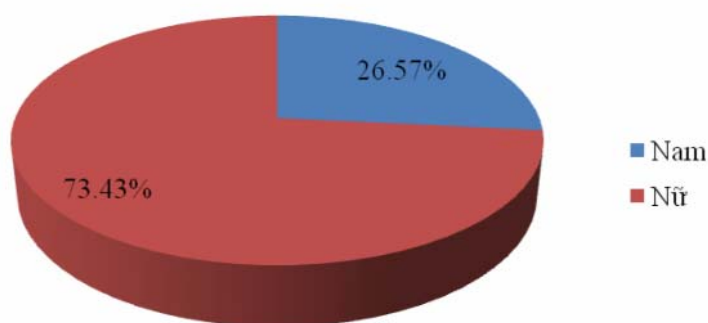


Hình 1. Phân bố cán bộ thư viện theo độ tuổi

Như vậy, độ tuổi chiếm tỉ lệ cao nhất là 31 đến 40 tuổi và từ 21 đến 30 tuổi. Điều này cho thấy đội ngũ cán bộ thư viện của trường đại học kỹ thuật rất trẻ.

Kết quả khảo sát 16 thư viện đại học kỹ

thuật về giới tính của cán bộ thư viện cho thấy: trong tổng số 335 cán bộ thư viện chỉ có 89 cán bộ là nam (chiếm tỉ lệ 26,57%) trong khi số cán bộ là nữ là 246 người (chiếm tỉ lệ 73,43%) (Bảng 2, Hình 2).



Hình 2. Phân bố cán bộ theo giới tính

2.2. Về trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo

Kết quả khảo sát trình độ và chuyên môn được đào tạo được thể hiện qua Bảng 3:

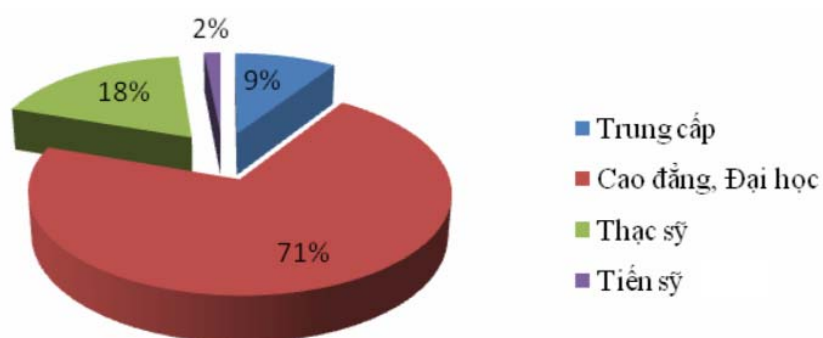
Bảng 3. Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo của nhân lực

Tổng số	Chia theo trình độ				Chuyên môn được đào tạo			
	Trung cấp	Cao đẳng, Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Thông tin - Thư viện	Công nghệ thông tin	Ngoại ngữ	Khác
335	31	238	61	5	164	36	22	113

Theo số liệu điều tra về trình độ nhân lực của cán bộ thư viện các trường đại học kỹ thuật, chúng ta thấy số người có trình độ trung cấp là 31 người (chiếm tỉ lệ 9%), trình độ cao đẳng đại học là 238 người

(chiếm tỉ lệ 71%), trình độ thạc sỹ là 61 (chiếm tỉ lệ 18%), và trình độ tiến sỹ là 5 người, chiếm tỷ lệ ít nhất (2%). Điều này cho thấy tỷ lệ lớn nhân lực TT-TV có trình độ đại học.

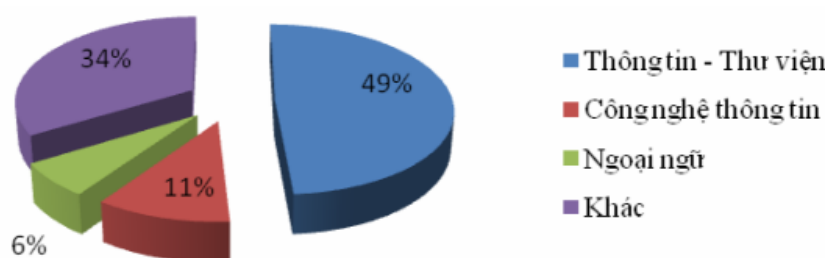
Nghiên cứu - Trao đổi



Hình 3. Phân bố nhân lực TT-TV theo trình độ

Về chuyên ngành được đào tạo, số liệu khảo sát cho thấy, trong số 335 cán bộ thư viện tại 16 thư viện, có 164 cán bộ được đào tạo chuyên ngành TT-TV (chiếm tỉ lệ 49%), 36 cán bộ được đào tạo về chuyên ngành CNTT (chiếm tỉ lệ 11%), chuyên ngành về

ngoại ngữ có 22 cán bộ (chiếm tỉ lệ 6%). Điều đáng nói là số lượng cán bộ hoạt động TT-TV được đào tạo từ các chuyên ngành khác chiếm tỉ lệ khá cao: 113 người (chiếm tỉ lệ 34%) (Hình 4).



Hình 4. Phân bố nhân lực TT-TV theo chuyên ngành được đào tạo

Để vận hành và quản lý HTTTTV cần có cán bộ có trình độ CNTT làm nhiệm vụ quản trị HTTT. Theo kết quả khảo sát, số thư viện có cán bộ chuyên trách quản trị HTTT là 12 thư viện (chiếm tỉ lệ 75%), số thư viện không

có cán bộ chuyên trách quản trị HTTT là 4 thư viện (chiếm tỉ lệ 25%) (Bảng 4). Số thư viện có website là 15 thư viện (chiếm tỉ lệ 94%), số thư viện không website là 01 thư viện (chiếm tỉ lệ 6%).

Bảng 3. Số thư viện có cán bộ chuyên trách quản trị HTTT và Website thư viện

Thư viện có cán bộ chuyên trách quản trị HTTT				Thư viện có Website thư viện			
Có	Tỉ lệ%	Không	Tỉ lệ%	Có	Tỉ lệ%	Không	Tỉ lệ%
12	75%	4	25%	15	94%	1	6%

Nghiên cứu - Trao đổi

2.3. Một số nhận xét về nguồn nhân lực thư viện đại học kỹ thuật

Việc đánh giá chất lượng nhân lực của thư viện đại học kỹ thuật được xem xét theo các tiêu chí sau:

- Dựa vào trình độ chuyên môn của nguồn nhân lực;
- Dựa vào chuyên ngành được đào tạo của nhân lực;
- Dựa vào số lượng các bộ CNTT trong nguồn nhân lực.

Sau khi phân tích thực trạng nguồn nhân lực thư viện đại học kỹ thuật và các tiêu chí, nhận thấy những mặt mạnh và những hạn chế như sau:

- *Những mặt mạnh*
 - + Trình độ cán bộ của các thư viện khá đồng đều: Theo số liệu khảo sát trình độ cao đẳng, đại học là 238 người (chiếm tỉ lệ tương đối cao 71%).
 - + Số lượng cán bộ làm công tác thư viện được đào tạo đúng chuyên ngành TT-TV chiếm tỷ lệ cao so với các chuyên ngành khác. Trong số 164/335 cán bộ được đào tạo chuyên ngành TT-TV (chiếm tỉ lệ 49%).
 - + Hầu hết các thư viện đều có cán bộ phụ trách về CNTT, theo kết quả khảo sát, số thư viện có cán bộ chuyên trách quản trị HTTT là 12 thư viện (chiếm tỉ lệ 75%).

- Những mặt hạn chế

Bên cạnh những mặt mạnh, thực trạng cán bộ thư viện đại học kỹ thuật Việt Nam cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế như:

- + Hiện nay, một số thư viện chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT, do vậy, khả năng về thư viện điện tử, thư viện số, biên mục và tạo lập bộ sưu tập số còn yếu.
- + Trình độ tin học, ngoại ngữ, kỹ năng của cán bộ thư viện đại học kỹ thuật còn nhiều hạn chế nên việc hỗ trợ người dùng tin khai thác hiệu quả nguồn thông tin của thư viện chưa đạt hiệu quả cao.
- + Cán bộ thư viện chưa chú trọng đúng mức tới việc hướng dẫn cụ thể sinh viên phương pháp nghiên cứu, tìm tư liệu, cung cấp

thông tin thư tịch để sinh viên hứng thú trong công việc nghiên cứu. Chính vì vậy, kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin của nhiều bạn đọc không tốt, làm giảm đáng kể kết quả thu nhận, tổng hợp thông tin của chính họ.

+ Một số cán bộ thư viện chưa được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ TT-TV, một số đã được đào tạo, nhưng vẫn thiếu tính chuyên nghiệp, nhất là trong việc tái cấu trúc thông tin và tư vấn người đọc tra cứu thông tin.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thư viện các trường đại học kỹ thuật

Chất lượng đội ngũ cán bộ thư viện trong các trường đại học đóng một vai trò quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Chính vì vậy, muốn nâng cao được chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ trong các trường đại học kỹ thuật hiện nay cần phải có các giải mang tính chiến lược cho đội ngũ cán bộ thư viện.

- Đối với nhà trường:

+ Đổi mới cơ chế quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ thư viện tại các trường đại học kỹ thuật để phát huy tối đa khả năng của mỗi người trong công tác.

+ Hoàn thiện công tác tuyển dụng cán bộ, trong quá trình công tác phải tổ chức triển khai việc đánh giá chất lượng cán bộ thư viện.

+ Tăng cường chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm củng cố, nâng cao trình độ nguồn nhân lực thư viện đại học. Các trường cần có một kế hoạch gửi các cán bộ thư viện đi đào tạo lại, đào tạo mới không chỉ về chuyên môn, nghiệp vụ mà còn cả về tin học, ngoại ngữ với những khóa học ngắn hạn, dài hạn, hội thảo, hội nghị trong mạng lưới TT-TV trong và ngoài nước. Đồng thời, bổ sung những cán bộ trẻ có năng lực, có khả năng sáng tạo, có tâm huyết với nghề.

+ Đầu tư kinh phí cho việc xây dựng hoàn chỉnh các loại CSDL toàn văn đặc biệt quan trọng đối với học chế tín chỉ, như: CSDL toàn văn đề tài nghiên cứu khoa học; CSDL toàn văn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; CSDL toàn văn giáo trình, bài giảng, đề cương chi

Nghiên cứu - Trao đổi

tiết các môn học và CSDL toàn văn tài liệu tham khảo theo môn học.

- Đối với đội ngũ cán bộ thư viện:

+ Nâng cao ý thức trách nhiệm, nuôi dưỡng thói quen và sự hứng thú đọc sách cho sinh viên, tư vấn cho bạn đọc cách thức kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp thông tin, tái cấu trúc và tổ chức thông tin, năng lực phát hiện, nhận xét đánh giá về chất lượng, tầm quan trọng của thông tin và sự phù hợp với nhu cầu/chủ đề bạn đọc quan tâm nghiên cứu.

+ Luôn luôn trau dồi kiến thức theo hướng chuẩn nghề nghiệp để thật sự trở thành những hoa tiêu trên đại dương tri thức và thông tin. Các chuyên gia thông tin này chính là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của việc đổi mới hoạt động TT-TV theo phương thức đào tạo tín chỉ.

+ Phát huy vai trò tư vấn cho sinh viên trong việc xác định nhu cầu thông tin, xây dựng các chiến lược tìm tin đơn giản sử dụng toán tử AND, OR, NOT,... áp dụng các chiến lược tìm tin này vào việc tìm kiếm thông tin trong các CSDL, OPAC và trên mạng Internet.

+ Tạo môi trường thân thiện, thông thoáng, chuyên nghiệp không chỉ bằng khả năng chuyên môn, nghiệp vụ giỏi mà còn bằng khả năng giao tiếp tốt, vận dụng khéo léo khả năng, trình độ của mình vào công việc và có những thái độ, cư xử thích hợp với bạn đọc trong từng tình huống khác nhau.

+ Tạo mối quan hệ mật thiết với các giảng viên nhằm cung cấp thông tin, hỗ trợ họ trong công tác nghiên cứu, giảng dạy và chính giảng viên lại là người cung cấp những thông tin có giá trị để phát triển bộ sưu tập và các dịch vụ của thư viện.

Kết luận

Vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thư viện tại các trường đại học kỹ thuật là nhu cầu cấp thiết trong bối cảnh chung của giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Với việc thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ, chắc chắn sẽ góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các thư viện, phục vụ ngày một tốt hơn việc đào tạo đại học theo học chế tín chỉ tại các trường đại học kỹ thuật Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Quỳnh Chi (2013). Đầu tư cho thư viện trường đại học - đầu tư cho giáo dục góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, Tạp chí khoa học ĐHSPTHCM, số 45, tr.71-78.
2. Nguyễn Huy Chương (2007). Phát triển hoạt động thông tin thư viện phục vụ nghiên cứu và đào tạo tại trường đại học trong điều kiện hiện nay- Kỷ yếu hội thảo "Xây dựng và phát triển nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học".- Đà Lạt, 2007.- tr.7-15.
3. Đỗ Minh Cường (2001). Phát triển nguồn nhân lực giáo dục đại học Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Ngọc Mai (2013). Vai trò và những yêu cầu đối với cán bộ thư viện thông tin trong kỷ nguyên Internet, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa, số 7.
5. Vũ Bích Ngân: Hướng đến một mô hình thư viện đại học hiện đại phục vụ chiến lược nâng cao chất lượng giáo dục đại học, 2009, số 1, tr. 13-18.
6. Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2012). Hoạt động thông tin thư viện các trường đại học phục vụ học chế tín chỉ, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa, số 1.
7. Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
8. Trần Thị Quý (2008). Nguồn nhân lực trong các cơ quan thông tin - thư viện đại học trên địa bàn Hà Nội, thực trạng và giải pháp, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
9. Bùi Loan Thùy (2008). Thư viện đại học phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đáp ứng các yêu cầu của học chế tín chỉ, tạp chí Thông tin và Tư liệu, 2008, số 4, tr. 14-17.
10. Bùi Loan Thùy. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực bậc đại học và cao học thư viện - thông tin trong không gian phát triển mới, Tạp chí thư viện Việt Nam, 2009, số 1, tr. 3-12.
11. K. Nageswara Rao, K. H. Babu (2001). Role of Librarian in Internet and World Wide Web Environment. InformingSciJ 4: 25-34 (2001)

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-8-2014; Ngày phản biện đánh giá: 8-9-2014; Ngày chấp nhận đăng: 15-10-2014)